TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **293**/2018/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 31 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 219/2018/TLST/HNGĐ ngày18 tháng 4 năm 2018, giữa :

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 6, xã Q, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 111 đường M, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số nhà 55/187 đường P, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY :

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Diễm H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh T và chị H công nhận vợ chồng có 01con chung là Nguyễn Gia K, sinh ngày 03/12/2012, hiện cháu K đang ở với anh T. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh T không có yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H công nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

2.4 Về án phí ly hôn: là 300.000 đồng nhưng do hòa giải thành nên được giảm 50% án phí là 150.000đồng. Hai bên thỏa thuận anh T chịu toàn bộ án phí này.

Anh T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 004813 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, nay được hoàn trả 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự,được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sựvà Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự
-VKSNDTP Huế
- UBND phường P- Tp Huế.
- **ĐKKH ngày 17/12/2012.**
-Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế